

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐDTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 23/02/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		GTCL+CTK3+P6	7:25	6+15+1	0+0+0		4+15+3	0+0+0	
2		HST+BK3+PPD	7:25	2+2+18	0+0+0		2+1+19	0+0+0	
3		HSD+AMD+P9	7:25	3+19+0	0+0+0		0+10+9	0+0+0	
4		RP3+CL+CTK3	9:25	12+10+0	0+0+0		4+14+4	0+0+0	Chuyen 3 rp3- Cl
5		PPD+P5+BK5	9:25	20+1+0	0+0+0		11+2+0	0+0+0	chuyen 7 PPD- Bk5chuyen 1 P5-BK5
6		AMD+VSP02+BK10	9:25	7+15+0	0+0+0		0+1+21	0+0+0	
7		CTK3+TD1+BK16	11:25	16+1+5	0+0+0		11+0+11	0+0+0	chuyen 1 Ctk3- td1
8		CNV+TD3+P1	11:25	9+6+3	0+0+0		0+11+6	0+0+0	
9		CL+GTCL+P8	11:25	19+2+0	0+0+0		16+4+2	0+0+0	

TTDBSX

1/2 ng P6 về đi TD3(P7); 1 nguoi P9 về đi CTK3
2/GTCL -3 nguoi đi về trong ngày

FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: GTC1 - CTK3 - P6	CREW: Hạnh - NPhú - N Nam - M.Đức	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN QUANG VINH	GTC1					80	KH-THAC	Vietnamese
2	KIREEV	GTC1				20	82	NIPI	Russian
3	NGUYỄN THỊ HẠNG	GTC1	28	1	3		60	NIPI	Vietnamese
4	PHẠM XUÂN VINH PHÚC	GTC1	26	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN VĂN HÙNG	GTC1					80	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN NGHĨA TÍN	GTC1	27	1	9		78	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN TẤT THẮNG	CTK3	06	1	3		65	YTE	Vietnamese
8	LÊ DUY THẮNG	CTK3	300,31	2	13		85	MERMAID	Vietnamese
9	LÊ TRƯỜNG HẬU	CTK3	98-99	2	17		70	MERMAID	Vietnamese
10	ĐẠO NGÂN LÂM	CTK3	02-03	2	17		63	MERMAID	Vietnamese
11	BOGDGANOV	CTK3	10	1	7		80	KH-THAC	Russian
12	PHẠM ĐỨC BÌNH	CTK3	94	1	15		80	KH-THAC	Vietnamese
13	TRÌNH QUỐC HUY	CTK3	04	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ CÔNG KHANG	CTK3	07	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM VĂN DŨ	CTK3	11	1	6	38	56	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TIẾN DŨNG	CTK3	92	1	2	20	67	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI HỮU HUÂN	CTK3	14	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TRỌNG LINH	CTK3	12-13	2	16		68	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN MẠNH HÙNG	CTK3	08-09	2	17		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN BA HUỆ	CTK3	05	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ THANH CHUNG	CTK3					68	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐOÀN ANH PHƯƠNG	P6	01-03	3	11	20	80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

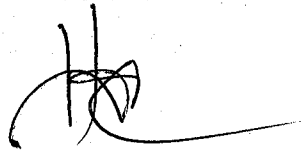
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	GTC1	6	3	19	452	20	4		1 NB NGUYEN MINH DUC (PILOT)
2	CTK3	15	19	134	1.040	58	15		
3	P6	1	3	11	80	20	3		
TOTAL		22	25	164	1.572	98	22		
WEIGHT KG				164	1.572	98			

GRAND TOAL: 1.834 KGS

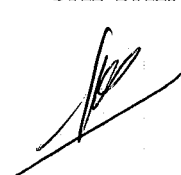
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 02	TO: HST - BK3 - PPD	CREW: PHÚ - ĐỨC - ĐANG	ETA: 09:20
VÀNG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRINH BICH NGOC	HST	85-86	2	12		68	TLJOC	Vietnamese
2	NGUYEN XUAN HIEU	HST	83-84	2	16		94	TLJOC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN LAM	BK3	05-06	2	17		68	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYEN ANH HUNG	BK3	07	1	15		85	CODIEN	Vietnamese
5	ĐO THANH HUNG	PPD	94-95	2	8		70	YTE	Vietnamese
6	NGUYEN THANH NGOC	PPD	96	1	10		102	KH-THAC	Vietnamese
7	DUONG DAI THANG	PPD	82	1	8		79	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN HOAI BAO	PPD	99	1	4	80	80	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN SON	PPD	92	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN HA	PPD	93	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI NGOC DUNG	PPD	84	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
12	VÔ HỒ HAI	PPD	83	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG NGOC TRUONG	PPD	88	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN MANH THANG	PPD	89	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ ĐỨC TÔN	PPD	87	1	7		83	KH-THAC	Vietnamese
16	LUONG VAN TANG	PPD	85	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VIET DUNG	PPD	90-91	2	8		64	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN KHAC LAM	PPD	97	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẶNG XUAN HAI	PPD	800	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGO VIET ANH	PPD	86	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN TRUONG GIANG	PPD					60	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN MANH CHIEN	PPD	98	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	HST	2	4	28	162	0	2		
2	BK3	2	3	32	153	0	1		
3	PPD	18	19	110	1.287	80	19		
TOTAL		22	26	170	1.602	80	22		
WEIGHT KG				170	1.602	80			

GRAND TOAL: 1.852 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/02/2023	TO: HSD - AMD - P9	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: VThắng - N.ANH - Toan - N.Cương	ETA: 09:15
CAM-1			

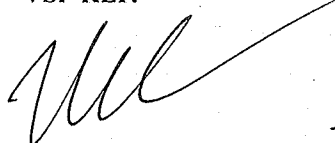
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TOÀN THẮNG	HSD	51	1	12	20	75	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM VĂN HUÂN	HSD	08	1	9		59	KH-THAC	Vietnamese
3	HOÀNG THANH TUYẾN	HSD	86,91	2	12		77	KH-THAC	Vietnamese
4	JAMES FAIRER	AMD	37	1	7		96	BAB	British
5	TRINH THUONG MAI	AMD	31-32	2	12		58	TLJOC	Vietnamese
6	TRẦN LÊ HÒA	AMD	39	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM NGỌC TUÂN	AMD					65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN VIỆT	AMD	30	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN HIẾU	AMD	46	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
10	HUYNH ANH BAO	AMD	34-36	3	14		77	KH-THAC	Vietnamese
11	LÝ CAO THẮNG	AMD	42	1	12		72	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN PHƯƠNG	AMD	33	1	5	20	64	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ANH KHOA	AMD	47	1	7		50	KH-THAC	Vietnamese
14	HUYNH PHÚC AM	AMD	41	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN VĂN CHÍNH	AMD	52	1	5		70	HLJOC	Vietnamese
16	PHẠM THANH TRUNG	AMD	29	1	8		65	HLJOC	Vietnamese
17	HOÀNG QUỐC THANH HUY	AMD	49-50	2	12		90	HLJOC	Vietnamese
18	NGUYỄN TRỌNG TUÂN	AMD	38	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ PHAN NGỌC CHÂU	AMD	48	1	5		87	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN HIỀN	AMD	40	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN CÔNG THANH	AMD	43-45	3	19		67	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐINH HỮU TÍNH	AMD	51	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

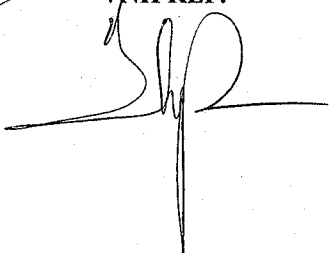
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	HSD	3	4	33	211	20	0		NB: PHAN NHU CUONG(PC)
2	AMD	19	24	142	1.350	20	10		
3	P9	0	0	0	0	0	9		
TOTAL		22	28	175	1.561	40	19		
WEIGHT KG				175	1.561	40			

GRAND TOAL: 1.776 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 04	TO: RP3 - CLI - CTK3	CREW: Hạnh - NPhú - N Nam - M.Đức	ETA: 11:20
XANH-2			

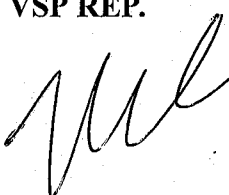
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PONOMARENKO E	RP3	88	1	12		90	KHI	Russian
2	LÊ HOANG ANH	RP3	87	1	5		70	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU TRINH	RP3	95	1	8		76	KHI	Vietnamese
4	NGÔ QUỐC KHANH	RP3	84	1	8		70	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN TÂN HOÀNG	RP3	96	1	7		65	KHI	Vietnamese
6	PHẠM ĐÌNH HẢI	RP3	86	1	8		76	KHI	Vietnamese
7	HOÀNG VĂN HUNG	RP3	85	1	6		83	KHI	Vietnamese
8	PHAN NGỌC AN	RP3	92-93	2	6		70	CODIEN	Vietnamese
9	LÊ TUẤN ANH	RP3	94	1	9		80	CODIEN	Vietnamese
10	TRẦN SƠN TÙNG	RP3	89	1	9	18	70	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYỄN HỒNG QUÂN	RP3	97-98	2	18		73	CODIEN	Vietnamese
12	ĐẶNG QUANG LỘC	RP3	700,99	2	16		65	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH TUYẾN	CLI	79-80	2	9		65	YTE	Vietnamese
14	KARPENKO	CLI	75	1	12		88	KH-THAC	Russian
15	ĐO VĂN ĐOÀN	CLI					78	KH-THAC	Vietnamese
16	NGÔ QUANG HÙNG	CLI					80	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN HAI DƯƠNG	CLI	76-78	3	15		81	KH-THAC	Vietnamese
18	KHOROSHENKOV	CLI	73	1	4		81	KH-THAC	Russian
19	TRINH LÊ TUẤN	CLI	74	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN QUỐC DŨNG	CLI	83	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN MINH ĐỨC	CLI	81-82	2	10		63	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN VĂN TUẤN	CLI	72-73	2	8		73	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

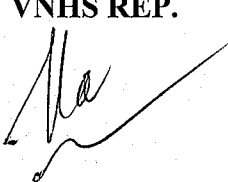
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	12	15	112	888	18	2	3	CHUYEN 3 PAX RP3-CLI 1NBổ Nguyễn Minh Đức (pilot)
2	CLI	10	13	67	756	0	14		
3	CTK3	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	28	179	1.644	18	20		
WEIGHT KG				179	1.644	18			

GRAND TOAL: 1.841 KGS

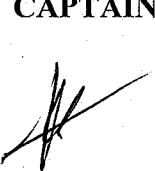
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 05	TO: PPD - P5 - BK5	CREW: PHÚ - ĐỨC - ĐANG	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM THANH KIM	PPD	53	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐÀO MẠNH HUY	PPD	51-52	2	9		75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TRƯỞNG GIA TRÌ	PPD	54	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
4	DƯ TRẦN HUNG	PPD	50	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM THANH BÌNH	PPD	70	1	9		85	ANTOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VIỆT MINH HOÀNG	PPD	67	1	9		73	ANTOAN	Vietnamese
7	PHAN TRỌNG THẮNG	PPD	68	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
8	PHẠM QUỐC TRƯỞNG	PPD	55-56	2	16		60	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐÌNH TÔI	PPD	75-76	2	14		69	XAYLAP	Vietnamese
10	TÀ TRUNG HIẾU	PPD	60	1	8		71	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN XUÂN TRƯỞNG	PPD	61-62	2	13		80	XAYLAP	Vietnamese
12	HỒ VĂN DUYỆT	PPD	63-64	2	19		63	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN KHẮC QUANG	PPD	59	1	19		66	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN ĐƯƠNG	PPD	65-66	2	18		75	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN XUÂN THUY	PPD	57-58	2	15		56	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐÀO ĐỨC ĐÔNG	PPD	69,71	2	19		75	XAYLAP	Vietnamese
17	LUƠNG VĂN VIỆT	PPD	49	1	4		70	XAYLAP	Vietnamese
18	ĐỖ TRỌNG LƯỢNG	PPD	73-74	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
19	KHÔNG QUỐC TIỀN	PPD	72	1	18		72	XAYLAP	Vietnamese
20	PHẠM VIỆT HOÀNG	PPD	77	1	5		54	PSV	Vietnamese
21	TRẦN HỒNG GIANG	P5	01-02	2	15	60	74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	20	29	245	1.392	0	12 + 7		CHUYEN 7 PAX PPD-BK5
2	P5	1	2	15	74	60	2 + 1		CHUYEN 1 PAX P5-BK5
3	BK5	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		21	31	260	1.466	60	14		
WEIGHT KG				260	1.466	60			

GRAND TOAL: 1.786 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/02/2023	TO: AMD - VSP02 - BK10	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:45
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: VThắng - N.ANH - Toan - N.Cường	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN TINH	AMD	62-63	2	18	60	77	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN LÊ	AMD	60	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HỒNG SƠN	AMD	58	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
4	LƯU VĂN DÂN	AMD	57	1	11		63	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HIỆP THÀNH	AMD	61	1	10		81	KH-THAC	Vietnamese
6	CAO XUÂN DŨNG	AMD	59	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
7	PHI DUY HOAN	AMD	64	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HAI	VSP02	794-795	2	22	12	60	BA SON	Vietnamese
9	KHUÔNG MẠNH TUÂN	VSP02	796,06	2	10		58	BA SON	Vietnamese
10	HOÀNG CÔNG ĐOÀN	VSP02	93	1	8		71	BA SON	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN NGHIA	VSP02	56	1	5		64	BA SON	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN HOA	VSP02	93-94	2	17		57	SHINTRAC	Vietnamese
13	TRẦN VU CA	VSP02	95-96	2	12	20	62	SHINTRAC	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC TUÂN	VSP02	57	1	5		70	SHINTRAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN PHƯỚC	VSP02	58	1	8		55	SHINTRAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN CHAU	VSP02	81-82	2	17		63	SHINTRAC	Vietnamese
17	PHẠM HỮU THẬT	VSP02	59	1	8		60	SHINTRAC	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC THUẬN	VSP02	61,83	2	17	12	60	SHINTRAC	Vietnamese
19	NGUYỄN PHƯỚC ĐỨC	VSP02	60	1	10		70	SHINTRAC	Vietnamese
20	NGUYỄN HOANG TRUNG	VSP02	97,99	2	10		60	SHINTRAC	Vietnamese
21	NGUYỄN TÂN ĐẠT	VSP02	300	1	10		58	SHINTRAC	Vietnamese
22	HOANG VU KHUONG HUY	VSP02	07	1	7		56	SHINTRAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	7	8	77	509	60	0		+INB PHAN NHU CUONG PILOT
2	VSP02	15	22	166	924	44	1		
3	BK10	0	0	0	0	0	21		
TOTAL		22	30	243	1.433	104	22		
WEIGHT KG				243	1.433	104			

GRAND TOAL: 1.780 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:00
FLIGHT: 07	TO: CTK3 - TD1 - BK16	CREW: Dương - TTrung - QTrưởng - Sơn	ETA: 13:40
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGÔ QUANG THĂNG	CTK3	91	1	10		82	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐAM VĂN THANH	CTK3	32	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN MINH KHÔI	CTK3	80	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN SƠN HÀ	CTK3	83	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ TRUNG KIẾN	CTK3	81	1	12		74	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUANG LỘC	CTK3	88	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ANH DŨNG	CTK3	90	1	11		87	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG XUÂN SƠN	CTK3	79	1	17	11	78	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM HỒNG SƠN	CTK3	85-86	2	19		60	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ HỮU HÀ	CTK3	87	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐỖ VĂN BÌNH	CTK3					80	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ HỮU ĐỨC	CTK3	89	1	7		90	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ VĂN CUÔNG	CTK3	84	1	12		66	KH-THAC	Vietnamese
14	ROGINSKIY DMITRY	CTK3	82	1	10		93	ANTOAN	Russian
15	TRẦN VĂN THỰC	CTK3	30-31	2	16	12	60	KH-THAC	Vietnamese
16	LƯU MINH TUẤN	TD1	200,99	2	11		77	NIPI	Vietnamese
17	PHẠM VĂN KHANG	BK16	61	1	7	25	76	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐÀO KIM CUÔNG	BK16	60	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ MINH THĂNG	BK16	62	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
20	LƯU ĐỨC TUẤN	BK16	63	1	3		85	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ ĐÌNH CHIẾN	BK16	64	1	5		72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	15	16	152	1.121	23	11	1	CHUYỂN 1 PAX CTK3-TD1 1NBO: PHAM THAI SON (PILOT) 1NBO: (GHE PHU) TRAN NGOC BINH
2	TD1	1	2	11	77	0	0		
3	BK16	5	5	21	363	25	11		
TOTAL		21	23	184	1.561	48	22		
WEIGHT KG				184	1.561	48			

GRAND TOAL: 1.793 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/02/2023	TO: CNV - TD3 - P1	AIRCRAFT: 416	ETD: 12:10
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: LHài - HĐức - ĐANG	ETA: 13:50
CAM-3			

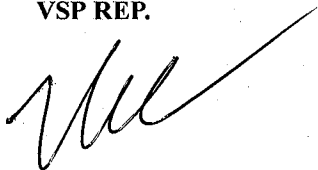
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN CONG VAN	CNV	35	1	6		58	HVJOC	Vietnamese
2	DO TRUNG HIEU	CNV	36	1	7		52	HVJOC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN THANH	CNV	34	1	5		65	HVJOC	Vietnamese
4	PHAN THANH VINH	CNV	37	1	9	60	52	HVJOC	Vietnamese
5	NGUYEN DUC THUAN	CNV	32	1	6		72	HVJOC	Vietnamese
6	HOANG ANH TU	CNV	33	1	6		55	HVJOC	Vietnamese
7	TRAN DUONG	CNV	29-30	2	18		65	CODIEN	Vietnamese
8	PHUNG BA DE	CNV	27-28	2	9		71	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN AI	CNV	31	1	3		54	PSV	Vietnamese
10	PHAM THANH DO	TD3	12	1	9	20	82	MARMAID	Vietnamese
11	PHAM VAN HUY	TD3	10-11	2	14	25	68	MARMAD	Vietnamese
12	VU ANH HIEU	TD3	04-05	2	20		56	SCHLUMBE	Vietnamese
13	NGUYEN VAN DOAN	TD3	02-03	2	17		60	SCHLUMBE	Vietnamese
14	PHAM VAN THAI	TD3	06-07	2	19		82	SCHLUMBE	Vietnamese
15	NGUYEN THANH PHU	TD3	08-09	2	18		90	SCHLUMBE	Vietnamese
16	NGUYEN KHAC TUAT	P1	01	1	9		66	XAYLAP	Vietnamese
17	PHAM NHU SANG	P1	02	1	12		69	XAYLAP	Vietnamese
18	TRAN MANH CUONG	P1	03-04	2	14		74	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CNV	9	11	69	544	60	0		
2	TD3	6	11	97	438	45	11		
3	P1	3	4	35	209	0	6		
TOTAL		18	26	201	1.191	105	17		
WEIGHT KG				201	1.191	105			

GRAND TOAL: 1.497 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:05
FLIGHT: 09	TO: CLI - GTC1 - P8	CREW: CHIẾN - ĐNam - Huy -	ETA: 13:45
HONG-3		HTrung	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ ĐÌNH KHOA	CLI	68	1	3		79	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN QUANG NAM	CLI	49-50	2	12		74	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐỖ ĐÌNH VĂN	CLI					69	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN THẨM	CLI					81	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TÂN HẬU	CLI	59	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN BÌNH	CLI	70	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
7	TÀ THANH QUANG	CLI	60	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
8	HOÀNG ĐÌNH HUÂN	CLI	67	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐÌNH THẾ ANH	CLI	57-58	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM THANH HẢI	CLI	55-56	2	7		80	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ VĂN DÂN	CLI	62-63	2	11		67	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM ĐỨC TÀI	CLI	64	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐÌNH VĂN HOÀNG	CLI	69	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN VỤ	CLI	65	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
15	HOÀNG MẠNH THẮNG	CLI	54	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ LAM ĐIỀN	CLI	51-52	2	6		73	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI VIỆT PHƯƠNG	CLI	61	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
18	MAI QUỐC HUNG	CLI	66	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
19	HỒ TRUNG QUÂN	CLI	53	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN BẮC	GTC1	33-34	2	10		59	KH-THAC	Vietnamese
21	KIEU VĂN TUÂN	GTC1	65	1	3		81	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLI	19	22	103	1.362	0	16		01 NB NGUYEN DUC HANH TRUNG (PC)
2	GTC1	2	3	13	140	0	4		
3	P8	0	0	0	0	71	2		
TOTAL		21	25	116	1.502	71	22		
WEIGHT KG				116	1.502	71			

GRAND TOAL: 1.689 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN